

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/DS-PT.

Ngày: 10-01-2024

V/v: “Tranh chấp yêu cầu hủy
văn bản thỏa thuận phân chia di sản,
tặng cho TS là QSH nhà và QSD đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Các Thẩm phán:

1. Ông Đặng Văn Nhữ

2. Bà Trịnh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Yên Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 481/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp “Yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản, tặng cho tài sản là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 830/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Thanh D, sinh năm 1980.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn S, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: số B V, khu phố A, Phường C, thị xã K, tỉnh Long An. (theo Giấy ủy quyền ngày 30/5/2023).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành S1, sinh năm 1964.

Địa chỉ: số F, đường H, khu phố B, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Văn phòng Công chứng Bùi Thị Đ

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Đ - Chức vụ: Trưởng Văn phòng.

Địa chỉ: Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

3.2. Bà Lê Thị V, sinh năm 1968.

Địa chỉ: số F, đường H, khu phố B, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

3.3. Ông Nguyễn Kim T, sinh năm 1992.

Nơi ĐKKHKT: số A đường L, khu phố A, Phường B, thị xã K, tỉnh Long An.

Địa chỉ: số F, đường H, khu phố B, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Đoàn Thanh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thanh D và phần trình bày của người đại diện theo ủy quyền trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau: Bà Đoàn Thanh D yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản, tặng cho nhà và quyền sử dụng đất ký ngày 12/3/2021 giữa bà Nguyễn Thị Đ1 và ông Nguyễn Thành S1 tại thửa đất số 219, tờ bản đồ số 1-2-3, vị trí đất tại Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

Nguồn gốc đất và nhà là của ông T1, bà Đ1. Ngày 19/12/2012, ông T1 và bà Đ1 lập tờ di chúc để lại tài sản trên cho ông Nguyễn Thành S1 hưởng 65%, cho bà Đoàn Thanh D hưởng 35%.

Vợ chồng ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị Đ1 không có con đẻ, bà D là con của em gái bà Đ1 được đưa về nuôi từ khi còn nhỏ nhưng không làm thủ tục nhận con nuôi. Ông S1 cũng được nuôi dưỡng từ khi mới sinh. Cha, mẹ ruột của ông T2, bà Đ1 đã chết trước vợ chồng ông T2.

Ngày 16/8/2017 ông T2 chết, ngày 20/01/2021 bà D có ký biên bản họp gia đình từ chối nhận di sản phần thừa kế của ông T2, lúc này di sản chưa được phân chia, di chúc cũng chưa có hiệu lực pháp luật vì theo quy định của Bộ luật Dân sự 2005 thì di chúc chỉ có hiệu lực khi người sau cùng chết. Biên bản họp gia đình ngày 20/01/2021 mà bà D ký chỉ là ý kiến của bà D chứ không phải là văn bản từ chối nhận di sản theo Điều 620 Bộ luật Dân sự 2015. Đến tháng 10/2021 bà D làm giấy xác nhận rút lại việc từ chối nhận di sản. Mặt khác, phần di sản của ông T2 mà bà D từ chối nhận sẽ được chia theo pháp luật, trong đó bà D là con nuôi của ông T2.

Ngày 12/3/2021 bà Đ1 và ông S1 ký Văn bản thỏa thuận phân chia di sản, tặng cho nhà và quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 219 cho ông S1. Tuy nhiên, văn bản thỏa thuận nêu trên không đúng, cụ thể: Trong văn bản này bà Đ1 và ông S1 cam kết là ông T2 chết không để lại di chúc và không còn người con nào khác là không đúng vì năm 2012 ông T2 và bà Đ1 đã lập tờ di chúc, ngoài ông S1 thì còn có bà D là con nuôi. Mặt khác, điều này cũng chứng tỏ bà Đ1 không còn minh mẫn khi ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản cho ông S1 do bà Đ1 đã 85 tuổi và năm 2012 bà Đ1 có cùng ông T2 lập di chúc nay lại cam kết là không có. Do đó, căn cứ Điều 128 Bộ luật Dân sự 2015 thì văn bản này vô hiệu do người xác lập không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình.

Ông S1 cũng thừa nhận không phải là con đẻ của ông T2, bà Đ1 nhưng theo giấy khai sinh mà ông S1 cung cấp có tên cha, mẹ là ông T2 và bà Đ1 do ông S1 đăng ký là không đúng sự thật.

Bị đơn ông Nguyễn Thành S1 trình bày:

Vợ chồng ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị Đ1 không có con đẻ, cha mẹ

ruột của ông T2, bà Đ1 đã chết trước ông bà. Bà D là con của em gái bà Đ1 được đưa về nuôi từ khi 05 tuổi nhưng không làm thủ tục nhận con nuôi. Giấy khai sinh của ông S1 để tên cha mẹ là ông T2, bà Đ1, sau này lớn lên ông S1 mới biết ông cũng được cha mẹ đưa về nuôi dưỡng từ khi mới sinh.

Vợ chồng ông T2, bà Đ1 có tạo lập được quyền sử dụng đất thừa số 219, tờ bản đồ số 1-2-3 tọa lạc tại Khu phố B, Phường A, thị xã K và căn nhà trên đất.

Năm 2012 ông T2 và bà Đ1 có làm tờ di chúc để lại cho ông S1 hưởng 65% giá trị và cho bà D hưởng 35% giá trị nhà đất. Năm 2017 ông T2 chết, đến ngày 20/01/2021 bà D ký biên bản họp gia đình từ chối nhận di sản của ông T2, bà D đồng ý để lại cho bà Đ1 và ông S1 được toàn quyền định đoạt. Khi ký biên bản họp gia đình thì bà D nhờ bà Võ Thị Y và bà Lê Thị N làm chứng. Lý do bà D từ chối nhận di sản là khi bà D lập gia đình đã được cha mẹ tạo điều kiện cho nhà, đất tại Phường C, thị xã K, còn ông S1 chưa có nhà đất và ở chung nuôi cha mẹ.

Bà D đã từ chối nhận di sản của ông T2 và cam kết không khiếu nại gì về sau nên di sản chỉ còn ông S1 và bà Đ1 được hưởng. Đến ngày 12/3/2021 bà Đ1 có nguyện vọng sang tên nhà đất thừa số 219 cho ông S1 nên đã liên hệ Văn phòng công chứng làm thủ tục. Ông S1 có mang toàn bộ hồ sơ giấy tờ bao gồm cả tờ di chúc năm 2012 của ông T2, bà Đ1 và biên bản họp gia đình về việc bà D từ chối nhận di sản cung cấp cho phòng công chứng, sau đó được hướng dẫn ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản, tặng cho nhà và quyền sử dụng đất thừa số 219, còn pháp luật quy định như thế nào thì ông S1 không rõ. Tại thời điểm ký văn bản phân chia di sản và tặng cho tài sản thì bà Đ1 hoàn toàn minh mẫn và đang bán hàng ngoài chợ, bà Đ1 có nhờ bà D trông hàng giùm để ra Văn phòng công chứng ký văn bản, bà D biết và không có ý kiến phản đối gì.

Tại Văn phòng Công chứng, ông S1 thắc mắc về việc ông T2 có làm di chúc nhưng vì sao trong văn bản thỏa thuận lại ghi là không để lại di chúc thì được giải thích miệng là ông T2 không có di chúc để lại di sản cho bà Đ1. Phần tài sản của bà Đ1 trong tài sản chung của ông T2 thì bà Đ1 được quyền định đoạt và đồng ý cho ông S1 nên không nhất thiết phải có bà D.

Hiện nay thừa đất số 219 và nhà trên đất do vợ chồng ông và con trai đang sinh sống, từ đó đến nay không xây dựng, sửa chữa thêm. Hiện nay không thể chấp, cầm cố hay đăng ký bảo đảm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Kim T trình bày: Ông T là con ruột của ông S1 và bà V, thống nhất với ý kiến trình bày của ông S1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị V có văn bản đề nghị vắng mặt, có ý kiến trình bày: Nhà đất thừa số 219, tờ bản đồ số 1-2-3 tọa lạc tại Phường A, thị xã K là của ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị Đ1 để lại cho ông S1. Bà V là vợ của ông S1 và thống nhất với ý kiến trình bày của ông S1, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng C vắng mặt, có văn bản trình bày: Khi thực thiện công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia di sản và tặng cho nhà, quyền sử dụng đất thì Văn phòng công chứng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định Điều 40, 41 Luật Công chứng, đồng thời niêm yết công khai việc phân chia di sản và tặng cho quyền sử dụng đất nói trên tại Ủy ban nhân dân

Phường A từ ngày 22/02/2021 cho đến hết ngày 09/3/2021, Văn phòng công chứng hoàn toàn không nhận được khiếu nại nào. Tại thời điểm ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản, tặng cho nhà và quyền sử dụng đất ngày 12/3/2021 các bên không cung cấp tài liệu là di chúc năm 2012 của ông T2, bà Đ1 và biên bản họp gia đình từ chối nhận di sản như ông S1 trình bày.

Vụ án được Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2023/DS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường đã tuyên:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 611, 613, 620, 640, 650, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Nuôi con nuôi năm 2010; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thanh D với ông Nguyễn Thành S1 về tranh chấp Văn bản thỏa thuận phân chia di sản, tặng cho nhà và quyền sử dụng đất ký ngày 12/3/2021 giữa ông Nguyễn Thành S1 và bà Nguyễn Thị Đ1 đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 219, tờ bản đồ số 1-2-3, vị trí đất tại Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Đoàn Thanh D tự nguyện chịu 1.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, bà D đã nộp xong.

3. Về án phí: Bà Đoàn Thanh D phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Bà D được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000924 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, bà D đã nộp đủ án phí.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án đối với các đương sự.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, bà Đoàn Thanh D có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo, bị đơn giữ nguyên ý kiến. Các bên đương sự không đề nghị thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Bà D kháng cáo yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản, tặng cho nhà và quyền sử dụng đất ngày 12/3/2021 giữa ông S1 và bà Đ1 đối với nhà đất thửa số 219, tờ bản đồ số 1-2-3 tọa lạc tại Phường A, thị xã K là không có cơ sở vì căn cứ Tờ di chúc lập ngày 19/12/2012 thì bà D được hưởng thừa kế 35% di sản của ông Nguyễn Văn T2 để lại nhưng đến ngày 20/01/2021 bà D đã ký Biên bản họp gia đình từ chối nhận di sản của ông T2, bà D nhường phần di sản được hưởng cho bà Đ1 và ông S1 tự định đoạt và toàn quyền quyết

định là tự nguyện, không bị ép buộc, có người làm chứng bà Võ Thị Y và bà Lê Thị N. Văn bản thỏa thuận phân chia di sản, tặng cho nhà và quyền sử dụng đất lập ngày 12/3/2021 là sau thời điểm bà D từ chối nhận di sản, việc thỏa thuận phân chia di sản đã được niêm yết tại địa phương theo quy định nhưng bà D không có ý kiến phản đối, do đó ý kiến trình bày của ông S1 là có căn cứ. Xét thấy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Đoàn Thanh D được làm đúng theo quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án và giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị V, Văn phòng Công chứng Bùi Thị Đ do bà Bùi Thị Đ đại diện theo pháp luật có đơn đề nghị vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Đoàn Thanh D:

[2.1] Nội dung các đương sự thống nhất: Bà Đoàn Thanh D và ông Nguyễn Thành S1 đều thừa nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 219 và căn nhà trên đất, thuộc tờ bản đồ số 1-2-3, vị trí đất tại Phường A, thị xã K, tỉnh Long An là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Văn T2 (đã chết năm 2017), bà Nguyễn Thị Đ1 (đã chết năm 2022). Ông T2 và bà Đ1 không có con đẻ, ông Nguyễn Thành S1 và bà Đoàn Thanh D đều được ông T2 và bà Đ1 đưa về nuôi dưỡng khi còn nhỏ, cha mẹ ông T2 và bà Đ1 đã chết trước ông T2, bà Đ1. Đây là các tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2.2] Căn cứ lời trình bày của các đương sự, căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị Đ1 là vợ chồng. Quyền sử dụng đất và căn nhà trên thửa đất số 219, thuộc tờ bản đồ số 1-2-3, vị trí đất tại Phường A, thị xã K là tài sản chung của ông T2, bà Đ1. Ngày 19/12/2012 ông T2, bà Đ1 lập di chúc để lại cho bà D được hưởng 35%, ông S1 được hưởng 65% tài sản là nhà đất tại thửa số 219. Ngày 16/8/2017 ông T2 chết, ngày 20/01/2021 bà D ký Biên bản họp gia đình từ chối nhận di sản của ông T2, đồng ý giao lại nhà đất cho bà Đ1 và ông S1 tự định đoạt quản lý, sử dụng, có người làm chứng là bà Võ Thị Y và bà Lê Thị N chứng kiến. Ngày 12/3/2021 bà Đ1 và ông S1 ký Văn bản thỏa thuận phân chia di sản và tặng cho nhà và quyền sử dụng đất đối với nhà đất thửa số 219 cho ông S1, được công chứng tại Văn phòng công chứng Bùi Thị Đ. Ông S1 được cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở ngày 30/3/2021 đến ngày 15/12/2022 thì bà Đ1 chết.

[2.3] Như vậy, năm 2012 ông T2 và bà Đ1 có lập di chúc để lại nhà đất tại thửa số 219 cho bà D và ông S1. Tuy nhiên, ngày 20/01/2021 bà D đã từ chối nhận di sản của ông T2 chết để lại theo di chúc và đồng ý để cho bà Đ1 và ông S1 được thừa hưởng và tự định đoạt toàn bộ, thời điểm này di sản chưa được phân chia. Bà D là người có đủ năng lực trách nhiệm dân sự, việc bà D từ chối nhận di sản là tự nguyện. Tại Biên bản họp gia đình có nội dung bà D từ chối nhận di sản phù hợp theo quy định tại Điều 620 của Bộ luật Dân sự 2015 nên phần di sản mà bà D từ chối nhận sẽ được chia theo quy định của pháp luật cho các đồng thừa kế khác. Do đó, ngày 12/3/2021 bà Đ1 ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản, tặng cho ông S1 nhà và đất tại thửa đất số 219 và hồ sơ đã được niêm yết đúng quy định, bà D không có ý kiến phản đối gì. Bà D cho rằng bà Đ1 không còn minh mẫn khi ký văn bản thỏa thuận chia di sản nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh trong khi văn bản nêu trên lúc bà Đ1 ký có người làm chứng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.4] Về việc bà D trình bày tháng 11/2021 đã làm giấy xác nhận rút lại lời từ chối nhận di sản của ông T2. Tuy nhiên, lúc này nhà đất tại thửa đất số 219 đã được bà Đ1 tặng cho ông S1, ông S1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên quyền sử dụng đất không còn là di sản của ông T2. Bà D cho rằng Văn bản thỏa thuận phân chia di sản có nội dung ông T2 chết không để lại di chúc là không đúng sự thật vì ông T2 có làm di chúc năm 2012, và bà D là con nuôi nên cũng là người thừa kế theo pháp luật của ông T2 thì việc này cũng không làm thay đổi bản chất bởi vì bà D đã từ chối nhận di sản nên chỉ còn ông S1, bà Đ1 là người thừa kế theo pháp luật. Phần tài sản của bà Đ1 trong khối tài sản chung với ông T2 và phần thừa kế mà bà Đ1 được nhận từ di sản của ông T2 thì bà Đ1 tự nguyện tặng cho ông S1, việc này không trái đạo đức, không vi phạm pháp luật.

Từ những nhận định trên: Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên kháng cáo của bà Đoàn Thanh D không có cơ sở để xem xét.

[3] Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Đoàn Thanh D phải chịu án phí do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Đoàn Thanh D.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 63/2023/DS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 272, Điều 273, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 611, Điều 613, Điều 620, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thanh D với ông Nguyễn Thành S1 về tranh chấp yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản, tặng cho nhà và quyền sử dụng đất ký ngày 12/3/2021 giữa ông Nguyễn Thành S1 và bà Nguyễn Thị Đ1 đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 219, tờ bản đồ số 1-2-3, vị trí đất tại Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

2. Về chi phí tố tụng: Tổng cộng là 1.000.000 đồng. Bà Đoàn Thanh D tự nguyện chịu 1.000.000 đồng, bà D đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Thanh D phải chịu 300.000 đồng. Bà D được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000924 ngày 28/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, bà D đã nộp đủ án phí.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đoàn Thanh D phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng bà D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000219 ngày 25/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP . HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND TX Kiến Tường;
- Chi cục THADS TX Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

